

PHỤ LỤC I

(Kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDDT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của
Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

PHÒNG GD & ĐT DIỄN CHÂU TRƯỜNG TIỂU HỌC DIỄN THỌ

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Năm: 2024

I. THÔNG TIN CHUNG

- Tên cơ sở giáo dục : Trường Tiểu học Diễn Thọ.
- Địa chỉ trụ sở chính: Xóm 6 – Diễn Thọ- Diễn Châu – Nghệ An.
Điện thoại: 0973639468.
Email: thdientho.dc@nghean.edu.vn.

Wies:

- Loại hình: Công lập.
- Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục.

a. Sứ mạng:

Tạo dựng được môi trường học tập thân thiện, nền nếp, kỉ cương, nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện để mỗi học sinh đều có cơ hội phát triển năng lực bản thân và được tham gia trải nghiệm gắn với thực tiễn cuộc sống.

Xây dựng sở vật chất từng bước hiện đại, cảnh quan xanh-sạch-đẹp-an toàn.

b. Tầm nhìn:

Xây dựng nhà trường thân thiện, uy tín, chất lượng; là nơi các bậc cha mẹ học sinh lựa chọn để gửi gắm con em mình học tập và rèn luyện. Học sinh có các kỹ năng sống phù hợp với lứa tuổi, góp phần tạo nên thương hiệu của nhà trường.

c. Mục tiêu.

Xây dựng nhà trường có uy tín về chất lượng giáo dục, là mô hình giáo dục hiện đại, tiên tiến phù hợp với xu thế phát triển của đất nước và hội nhập.

Nâng cao chất lượng đội ngũ quản lý, giáo viên đáp ứng được yêu cầu đổi mới; Quyết tâm phấn đấu xây dựng môi trường học tập lành mạnh, có kỉ cương, nền nếp; có chất lượng giáo dục cao; Tất cả học sinh được rèn các kỹ năng sống cơ bản, được học tập gắn với trải nghiệm thực tiễn cuộc sống và đều có cơ hội phát huy hết năng lực bản thân.

- Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục.

Trường Tiểu học Diễn Thọ được thành lập từ năm 1926, lúc đó trường chỉ có 1 lớp với gần 30 học sinh. Trải qua hơn 90 năm hình thành và phát triển, nhà

trường đã thực hiện đúng đường lối, mục tiêu, nguyên lý giáo dục của Đảng. Biết cụ thể hoá các mục tiêu cho phù hợp với tình hình kinh tế xã hội của địa phương. Nhà trường đã không ngừng lớn mạnh, góp phần đào tạo nên nhiều thế hệ con em Diễn Thọ trở thành những công dân thực sự xứng đáng với truyền thống quê hương. Từ mái trường này, nhiều người con của quê hương đã tiếp tục học lên trở thành tiến sĩ, giáo sư, kỹ sư, bác sĩ, ... Có nhiều người trong số đó đã và đang giữ những trọng trách trong các cơ quan của Nhà nước, quân đội, doanh nghiệp họ đang góp phần quan trọng xây dựng đất nước, quê hương. Các thế hệ thầy giáo, cô giáo luôn phát huy trách nhiệm, giữ vững phẩm chất của người thầy. Được sự chỉ đạo của Đảng, chính quyền các cấp và ngành Giáo dục, sự quan tâm sâu sắc của Đảng uỷ, HĐND, UBND xã, sự ủng hộ của phụ huynh và nhân dân địa phương, Trường Tiểu học Diễn Thọ đã ổn định và vững bước đi lên.

6. Thông tin người đại diện pháp luật:

Lưu Lương Điện – Hiệu trưởng, trường Tiểu học Diễn Thọ.

Số điện thoại: 0973639468.

Địa chỉ thư điện tử: luongdien1972@gmail.com.

7. Tổ chức bộ máy:

a) Quyết định công nhận hội đồng trường: QĐ 3556/QĐ-UBND ngày 28/10/2022 của chủ tịch UBND huyện Diễn Châu:

Chủ tịch hội đồng trường: Hoàng Thị Lan – PHT.

Danh sách thành viên hội đồng trường;

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Chức danh, chức vụ trong đơn vị	Nhiệm vụ trong Hội đồng trường
1	Hoàng Thị Lan	1973	Phó hiệu trưởng	Chủ tịch
2	Cao Thị Hồng Duyên	1976	GV- Thư ký HDSP	Thư ký
3	Lưu Lương Điện	1972	Hiệu trưởng	Üy viên
4	Đặng Thị Hương	1975	TBTTND - TT CM 4;5	Üy viên
5	Nguyễn Thị Phương	1978	Tổ trưởng CM 1;2;3	Üy viên
6	Lưu Xuân Thân	1980	CTCĐ	Üy viên
7	Đinh Thị Thủy	1981	GV- TPTĐ	Üy viên
8	Hoàng Hữu Tình	1984	PCTUBND xã	Üy viên

9	Hoàng Văn Giang	1970	B ĐDCMHS	Ủy viên
---	-----------------	------	----------	---------

b) Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng:
Quyết định bổ nhiệm lại đồng chí Lưu Lương Điện

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN DIỄN CHÂU
Số: 2517/QĐ- UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Diễn Châu, ngày 22 tháng 8 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Về việc bổ nhiệm lại cán bộ quản lý trường học

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN DIỄN CHÂU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP;

Căn cứ Quyết định số 13/2024/QĐ-UBND ngày 14/6/2024 của UBND tỉnh Nghệ An về việc ban hành Quy định quản lý tổ chức bộ máy, biên chế và cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong cơ quan, đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý của UBND tỉnh Nghệ An;

Thực hiện Thông báo số 525-TB/HU ngày 24/7/2024 của Thường trực Huyện ủy Diễn Châu về công tác cán bộ;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Nội vụ, Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo huyện.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bổ nhiệm lại cô (thời hạn 05 năm) ông: Lưu Lương Điện

Sinh ngày: 18/9/1972

Chức vụ hiện tại: Hiệu trưởng

Đơn vị công tác: Trường Tiểu học Diễn Thọ

Giữ chức vụ: Hiệu trưởng, Trường Tiểu học Diễn Thọ

Kế tú ngày: 26/08/2024.

Điều 2. Lương và các khoản phụ cấp (nếu có) của ông Lưu Lương Điện thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện; Trưởng các phòng: Nội vụ; Giáo dục và Đào tạo; Trường Tiểu học Diễn Thọ; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan và ông Lưu Lương Điện chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này/.

CHỦ TỊCH

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu VT, NV.

Tăng Văn Luyện

c) Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của nhà trường;

- Công khai mục tiêu, chương trình, kế hoạch giáo dục, điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục, kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục; tổ chức giảng dạy, học tập và hoạt động giáo dục đạt chất lượng đáp ứng mục tiêu, yêu cầu cần đạt theo chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

- Thực hiện giáo dục bắt buộc, phổ cập giáo dục và xóa mù chữ tại địa bàn. Huy động trẻ em đi học đúng độ tuổi, vận động và tạo điều kiện cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt đến trường. Nhận bảo trợ và quản lý các hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học theo sự phân công của cấp có thẩm quyền.

- Xây dựng chiến lược và kế hoạch phát triển nhà trường theo các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, gắn với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương; xây dựng kế hoạch hoạt động giáo dục đáp ứng mục tiêu, yêu cầu cần đạt theo chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học.

- Triển khai thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành; thực hiện lựa chọn sách giáo khoa theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; triển khai thực hiện sách giáo khoa và nội dung giáo dục của địa phương theo quyết định của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh); thực hiện tự chủ chuyên môn trong tổ chức các hoạt động giáo dục tại trường tiểu học.

- Thực hiện tự kiểm định chất lượng và đảm bảo chất lượng giáo dục theo quy định.

- Quản lý cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh.

- Quản lý và sử dụng đất, tài chính và tài sản của nhà trường theo quy định của pháp luật.

- Phối hợp chặt chẽ với cha mẹ hoặc người giám hộ học sinh, các tổ chức và cá nhân trong cộng đồng thực hiện các hoạt động giáo dục. Tổ chức cho giáo viên, người lao động và học sinh tham gia các hoạt động xã hội tại địa phương.

- Xây dựng môi trường văn hoá - giáo dục trong nhà trường, tham gia xây dựng môi trường văn hoá - giáo dục ở địa phương.

- Được tiếp nhận các khoản tài trợ, viện trợ của các cơ quan, tổ chức, cá nhân đối với nhà trường theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật

8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục gồm:

Chiến lược phát triển của cơ sở giáo dục; quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục; các nghị quyết của hội đồng trường; quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính; quy chế nội bộ.

1	Số lượng giáo viên theo vị trí việc làm					
	Giáo viên Tiểu học hạng I					
	Giáo viên Tiểu học hạng II	12	12			
	Giáo viên Tiểu học hạng III	17	5	13	1	
2	Cán bộ quản lý					
	Hiệu trưởng	1	1			
	Phó hiệu trưởng	1	1			

c) Số lượng, tỷ lệ giáo viên cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định.

TT	Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên:	Số lượng	Hoàn thành BDTX	
			Đã hoàn thành	Chưa hoàn thành
1	Số lượng giáo viên theo vị trí việc làm			
	Giáo viên Tiểu học hạng I			
	Giáo viên Tiểu học hạng II	12	12	
	Giáo viên Tiểu học hạng III	17	17	
2	Cán bộ quản lý			
	Hiệu trưởng	1	1	
	Phó hiệu trưởng	1	1	
3	Nhân viên			
	TV - TB	1	1	
	Kế toán	1	1	
	Văn thư			

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT⁴

a) Diện tích khu đất xây dựng trường: 5358 m²;

(Diện tích bình quân tối thiểu: 6,6 m²/ học sinh. Thiếu so với quy định.

b) Số lượng, hạng mục khối phòng hành chính quản trị; khối phòng học tập; khối phòng hỗ trợ học tập; khối phụ trợ; khu sân chơi, thể dục thể thao; khối phục vụ sinh hoạt; hạ tầng kỹ thuật; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

TT	Số liệu	Số phòng hiện có	Ghi chú
I	Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập	26	
1	Phòng học	22	Đủ theo quy định
a	Phòng kiên cố	20	
b	Phòng bán kiên cố	2	
c	Phòng học tạm	0	
2	Phòng học bộ môn	01	Thiếu 4 phòng
a	Phòng kiên cố	01	
b	Phòng bán kiên cố	0	
c	Phòng tạm	0	
3	Khối phòng hỗ trợ học tập	0	Thiếu 4 phòng
a	Phòng kiên cố	0	
b	Phòng bán kiên cố	01	
c	Phòng tạm	0	
4	Khối phòng phụ trợ	00	Thiếu 4 phòng
a	Phòng kiên cố	0	
b	Phòng bán kiên cố	0	
c	Phòng tạm	0	
II	Khối phòng hành chính quản trị	03	Thiếu 3 phòng
a	Phòng kiên cố	03	
b	Phòng bán kiên cố	0	

c	Phòng tạm	0	
III	Các công trình, khối phòng chức năng khác(nếu có).	0	Thiếu 3 phòng

c) Số thiết bị dạy học hiện có: Đủ theo quy định.

d) Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong cơ sở giáo dục đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; danh mục, số lượng xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu đã được cơ sở giáo dục lựa chọn, sử dụng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Danh mục sách giáo khoa lớp 1, sử dụng từ năm học 2020-2021

TT	Tên sách	Tên tác giả	Thuộc bộ sách	Nhà xuất bản
1	Tiếng Việt	Nguyễn Minh Thuyết-Hoàng Hoa Bình-Nguyễn Thị Ly Nga-Lê Hữu Tỉnh	Cánh diều	Đại học SP TPHCM
2	Toán	Hà Huy Khoái-Lê Anh Vinh- Nguyễn Áng-Vũ Văn Dương- Nguyễn Minh Hải-Bùi Bá Mạnh	Kết nối tri thức với cuộc	NXB GD Việt Nam
3	Đạo đức	Nguyễn Thị Toan-Trần Thành Nam-Lê Thị Thuyết Mai-Lục Thị Nga	Kết nối tri thức với cuộc	NXB GD Việt Nam
4	TNXH	Vũ Văn Hùng-Nguyễn Thị Thần-Đào Thị Hồng-Phương Hà Lan-Hoàng úy Tỉnh	Kết nối tri thức với cuộc sống	NXB GD Việt Nam
5	Âm nhạc	Đỗ Thị Minh Chính-Mai Linh Chi-Nguyễn Thị Phương Mai-	Kết nối tri thức với cuộc sống	NXB GD Việt Nam

		Đặng Khánh Nhật-Nguyễn Thị Thanh Vân		
6	Mỹ thuật	Đinh Gia Lê-Trần Thị Biển-Phạm Duy Anh	Kết nối tri thức với cuộc sống	NXB GD Việt Nam
7	GDTC	Nguyễn Duy Quyết-Lê Anh Thơ-Đỗ Mạnh Hưng-Vũ Văn Thịnh-Vũ Thị Hồng Thu-Vũ Thị Thu-Phạm Mai Vương	Kết nối tri thức với cuộc sống	NXB GD Việt Nam
8	Hoạt động trải nghiệm	Bùi Sỹ Tụng-Nguyễn Thanh Bình-Vũ Thị Lan Anh-Lê Thị Luận-Trần Thị Thu	Kết nối tri thức với cuộc sống	NXB GD Việt Nam
9	Tiếng Anh	Nguyễn Thị Ngọc Quyên	Smart Start	NXB TP HCM

- Danh mục Sách giáo khoa lớp 2, sử dụng từ năm học 2021-2022

TT	Tên sách	Tên tác giả	Thuộc bộ sách	Nhà xuất bản
1	Tiếng Việt	Nguyễn Minh Thuyết là Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên và các Tác giả: Nguyễn Thị Bích Hà, Trần Mạnh Hướng, Đặng Kim Nga, Nguyễn Thị Tố Ninh.	Cánhdiều	Đại học SP TPHCM
2	Toán	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Lê Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Hoàng Quế Hướng, Bùi Bá Mạnh.	Kết nối tri thức với cuộc sống	NXB GD Việt Nam

3	Tự nhiên và xã hội	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên) Nguyễn Thị Thẩn (Chủ biên) Đào Thị Hồng - Phương Hà Lan Phạm Việt Quỳnh - Hoàng Quý Tỉnh	Kếtnối tri thúcvớicuộcsống	NXB GD Việt Nam
4	Đạo đức	Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên), Trần Thành Nam (Chủ biên), Nguyễn Thị Hoàng Anh, Nguyễn Ngọc Dung, Lê Thị Tuyết Mai.	Kếtnối tri thúcvớicuộcsống	NXB GD Việt Nam
5	Hoạt động trải nghiệm	Lưu Thu Thủy, Bùi Sỹ Tụng (đồng Tổng Chủ biên), Nguyễn Thụy Anh, Nguyễn Thanh Bình (đồng Chủ biên), Vũ Thị Lan Anh, Nguyễn Thị Thanh Bình, Bùi Thị Hương Liên, Lê Thị Luận, Trần Thị Tố Oanh, Trần Thị Thu.	Kếtnối tri thúcvớicuộcsống	NXB GD Việt Nam
6	Âm nhạc	Hoàng Long, Đỗ Thị Minh Chính (đồng Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình, Mai Linh Chi, Nguyễn Thị Phương Mai, Nguyễn Thị Nga, Đặng Khánh Nhật, Trần Thị Kim Thăng, Nguyễn Thị Thanh Vân.	Kếtnối tri thúcvớicuộcsống	NXB GD Việt Nam
7	Giáo dục thể chất	Nguyễn Duy Quyết, Hồ Đắc Sơn (đồng Tổng Chủ biên), Lê Anh Thơ (Chủ biên), Nguyễn Thị Hà, Đỗ Mạnh Hưng, Vũ Văn Thịnh, Vũ Thị Hồng Thu, Vũ Thị Thư, Nguyễn Thành Trung, Nguyễn Duy Tuyền, Phạm Mai Vương.	Kếtnối tri thúcvớicuộcsống	NXB GD Việt Nam
8	Mĩ thuật	Đoàn Thị Mỹ Hương, Đinh Gia Lê (đồng Tổng Chủ biên) Trần Thị Biển (Chủ biên) Phạm Duy Anh - Bạch Ngọc Diệp	Kếtnối tri thúcvớicuộcsống	NXB GD Việt Nam

		Trần Thị Thu Trang - Bùi Quang Tuán		
9	Tiếng Anh	Nguyễn Thị Ngọc Quyên (Chủ biên), Đặng Đỗ Thiên Thanh, Lê Thị Tuyết Minh, Huỳnh Tuyết Mai, Nguyễn Dương Hoài Thương.	i-Learn Smart Start	Nhà XB- ĐHSP TP Hồ Chí Minh

- Danh mục sách giáo khoa lớp 3, sử dụng từ năm học 2022-2023

TT	Môn	Tác giả	Bộ sách	Nhà xuất bản
1	Tiếng Việt	Tập 1: Nguyễn Minh Thuyết (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Hoàng Hòa Bình, Vũ Trọng Đông, Nguyễn Khánh Hà, Trần Mạnh Hưởng. Tập 2: Nguyễn Minh Thuyết (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Chu Thị Thủy An, Đỗ Thu Hà, Trần Mạnh Hưởng, Đặng Kim Nga, Lê Hữu Tỉnh.	Cánh diều	NXB-ĐHSP Thành phố Hồ Chí Minh
2	Toán	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên) - Lê Anh Vinh (Chủ biên)	Kết nối tri thức với cuộc sống	NXB GD Việt Nam
3	Tự nhiên và xã hội	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên),	Kết nối tri thức với cuộc sống	NXB GD Việt Nam
4	Đạo đức	Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên) - Trần Thành Nam (Chủ biên)	Kết nối tri thức với cuộc sống	NXB GD Việt Nam
5	Hoạt động trải nghiệm	Lưu Thu Thuỷ (Tổng Chủ biên)	Kết nối tri thức với cuộc sống	NXB GD Việt Nam
6	Âm nhạc	Hoàng Long - Đỗ Thị Minh Chính (đồng Tổng chủ biên),	Kết nối tri thức với cuộc sống	NXB GD Việt Nam
7	Giáo dục thể chất	Nguyễn Duy Quyết (Tổng Chủ biên)	Kết nối tri thức với cuộc sống	NXB GD Việt Nam

8	Mĩ thuật	Nguyễn Xuân Nghị (tổng chủ biên); Trần Thị Biền; Đoàn Thị Mỹ Hương (đồng chủ biên); Phạm Duy Anh; Bạch Ngọc Diệp; Trần Thị Thu Trang	Kết nối tri thức với cuộc sống	NXB GD Việt Nam
9	Công nghệ	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên)	Kết nối tri thức với cuộc sống	NXB GD Việt Nam
10	Tiếng Anh	Sách Tiếng Anh Tiếng Anh (Global Success).	Global Success.	NXB GD Việt Nam
11	Tin học	Nguyễn Chi Công (Tổng Chủ biên), Hoàng Thị Mai (Chủ biên), Phan Anh, Nguyễn Thu Hiền, Nguyễn Bá Tuấn, Hà Đặng Cao Tùng, Đặng Bích Việt	Kết nối tri thức với cuộc sống	NXB GD Việt Nam

- Danh mục sách giáo khoa lớp 4, sử dụng từ năm học 2023-2024

TT	Môn	Tác giả	Bộ sách	Nhà xuất bản
1	Tiếng Việt	Tập 1: Tổng chủ biên và Chủ biên: Nguyễn Minh Thuyết Tác giả: Chu Thị Thúy An, Phan Thị Hồ Diệp, Nguyễn Thị Bích Hà, Nguyễn Khánh Hà, Trần Mạnh Hướng, Trần Bích Thủ Tập 2: Tổng chủ biên và Chủ biên: Nguyễn Minh Thuyết Tác giả: Hoàng Hòa Bình, Vũ Trọng Đồng, Đặng Kim Nga, Nguyễn Thị Tố Ninh, Đặng Thị Yên,	Cánh Diều	NXB-ĐHSP Thành phố Hồ Chí Minh

8	Mĩ thuật	Nguyễn Xuân Nghị (tổng chủ biên); Trần Thị Biền; Đoàn Thị Mỹ Hương (đồng chủ biên); Phạm Duy Anh; Bạch Ngọc Diệp; Trần Thị Thu Trang	Kết nối tri thức với cuộc sống	NXB GD Việt Nam
9	Công nghệ	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên)	Kết nối tri thức với cuộc sống	NXB GD Việt Nam
10	Tiếng Anh	Sách Tiếng Anh Tiếng Anh (Global Success).	Global Success.	NXB GD Việt Nam
11	Tin học	Nguyễn Chi Công (Tổng Chủ biên), Hoàng Thị Mai (Chủ biên), Phan Anh, Nguyễn Thu Hiền, Nguyễn Bá Tuấn, Hà Đặng Cao Tùng, Đặng Bích Việt	Kết nối tri thức với cuộc sống	NXB GD Việt Nam

- Danh mục sách giáo khoa lớp 4, sử dụng từ năm học 2023-2024

TT	Môn	Tác giả	Bộ sách	Nhà xuất bản
1	Tiếng Việt	Tập 1: Tổng chủ biên và Chủ biên: Nguyễn Minh Thuyết Tác giả: Chu Thị Thúy An, Phan Thị Hồ Diệp, Nguyễn Thị Bích Hà, Nguyễn Khánh Hà, Trần Mạnh Hướng, Trần Bích Thủ Tập 2: Tổng chủ biên và Chủ biên: Nguyễn Minh Thuyết Tác giả: Hoàng Hòa Bình, Vũ Trọng Đồng, Đặng Kim Nga, Nguyễn Thị Tố Ninh, Đặng Thị Yên,	Cánh Diều	NXB-ĐHSP Thành phố Hồ Chí Minh

8	Âm nhạc	Đỗ Thị Minh Chính (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình (Chủ biên), Mai Linh Chi, Nguyễn Thị Phương Mai, Nguyễn Thị Nga.	Kết nối tri thức với cuộc sống	NXB GD Việt Nam
9	Mĩ thuật	Đinh Gia Lê (tổng chủ biên), Trần Thị Biển, Đoàn Thị Mỹ Hương (đồng chủ biên), Phạm Duy Anh, Trần Thị Thu Trang.	Kết nối tri thức với cuộc sống	NXB GD Việt Nam
10	Công nghệ	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên), Đặng Văn Nghĩa (Chủ biên), Đồng Huy Giới, Dương Giáng Thiên Hương, Bùi Thị Thu Hương, Nguyễn Bích Thảo.	Kết nối tri thức với cuộc sống	NXB GD Việt Nam
11	Tin học	Nguyễn Chí Công (TCB); Hoàng Thị Mai (chủ biên), Phan Anh, Nguyễn Thu Hiền, Nguyễn Bá Tuấn, Hà Đặng Cao Tùng	Kết nối tri thức với cuộc sống	NXB GD Việt Nam
12	Tiếng Anh 4	Sách Tiếng Anh Tiếng Anh (Global Success).	Global Success.	NXB GD Việt Nam

- Danh mục sách giáo khoa lớp 5, sử dụng từ năm học 2024-2025

TT	Môn	Tên sách	Tác giả	NXB
1	Tiếng Việt 5	Cánh Diều	(Tập 1: Nguyễn Minh Thuyết - Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên, Chu Thị Thủy An, Vũ Trọng Đông, Nguyễn Khánh Hà, Đỗ Thu Hà, Đặng Kim Nga .) (Tập 2: Nguyễn Minh Thuyết - Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên, Chu Thị Thủy An, Nguyễn Hoàng Mỹ Anh, Hoàng Hòa Bình,	Nhà xuất bản đại học sư pham

6	Mỹ thuật 5	Kết nối tri thức với cuộc sống	Đinh Gia Lê(Tổng chủ biên) Trần Thị Biển- Đoàn Thị Mỹ Hương(đồng chủ biên) Phạm Duy Anh- Trần Thị Thu Trang	Nhà xuất bản GD Việt Nam
7	GDTC 5	Kết nối tri thức với cuộc sống	(Nguyễn Duy Quyết, Nguyễn Hồng Dương - Tổng Chủ biên, Đỗ Mạnh Hưng - Chủ biên, Vũ Văn Thịnh, Vũ Thị Hồng Thu, Vũ Thị Thư, Phạm Mai Vương)	Nhà xuất bản GD Việt Nam
8	HĐTN5	Kết nối tri thức với cuộc sống	(Lưu Thu Thủy -Tổng Chủ biên, Nguyễn Thụy Anh - Chủ biên, Nguyễn Thị Thanh Bình, Bùi Thị Hương Liên, Trần Thị Tố Oanh)	Nhà xuất bản GD Việt Nam
9	Tiếng Anh 5	Sách Tiếng Anh Tiếng Anh (Global Success).	Global Success.	NXB GD Việt Nam
10	Tin học	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nguyễn Chí Công (Tổng Chủ biên), Hoàng Thị Mai (Chủ biên), Phan Anh- Nguyễn Thu Hiền, Nguyễn Bá Tuấn- Hà Đặng Cao Tùng	Nhà xuất bản GD Việt Nam
11	Công nghệ	Kết nối tri thức với cuộc sống	(Lê Huy Hoàng - Tổng Chủ biên; Đặng Văn Nghĩa - Chủ biên).	Nhà xuất bản GD Việt Nam
12	Khoa học	Kết nối tri thức với cuộc sống	(Vũ Văn Hùng - Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên, Phan Thanh Hà - đồng Chủ biên, Nguyễn Thị Thanh Chi, Ngô Diệu Nga, Đào Thị Sen, Triệu Anh Trung)	Nhà xuất bản GD Việt Nam

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC⁵

1) Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục; kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá.

Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục; kế hoạch cải tiến chất lượng sau đánh giá: Nhà trường đã thực hiện tự đánh giá chất lượng giáo dục theo các văn bản của Bộ Giáo dục và Đào tạo, hằng năm đều xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục.

1.1.-Đánh giá theo từng tiêu chí từ Mức 1 đến Mức 3

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Không đạt	Kết quả tự đánh giá		
		Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chuẩn 1				
Tiêu chí 1.1		X	X	X
Tiêu chí 1.2		X	X	-
Tiêu chí 1.3		X	X	X
Tiêu chí 1.4		X	X	X
Tiêu chí 1.5		X	X	-
Tiêu chí 1.6		X	X	X
Tiêu chí 1.7		X	X	-
Tiêu chí 1.8		X	X	-
Tiêu chí 1.9		X	X	-
Tiêu chí 1.10		X	X	-
Tiêu chuẩn 2				
Tiêu chí 2.1		X	X	X
Tiêu chí 2.2		X	X	X
Tiêu chí 2.3		X	X	X
Tiêu chí 2.4		X	X	X
Tiêu chuẩn 3				
Tiêu chí 3.1		X	X	X
Tiêu chí 3.2		X	X	X
Tiêu chí 3.3		X	X	X
Tiêu chí 3.4		X	X	-

Tiêu chí 3.5	X	X	X
Tiêu chí 3.6	X	X	X
Tiêu chuẩn 4			
Tiêu chí 4.1	X	X	X
Tiêu chí 4.2	X	X	X
Tiêu chuẩn 5			
Tiêu chí 5.1	X	X	-
Tiêu chí 5.2	X	X	X
Tiêu chí 5.3	X	X	X
Tiêu chí 5.4	X	X	X
Tiêu chí 5.5	X	X	X

Tổng hợp :

- Số lượng và tỉ lệ % các tiêu chí đạt mức 1: 27/27 (100%)
- Số lượng và tỉ lệ % các tiêu chí đạt mức 2: 27/27 (100%)
- Số lượng và tỉ lệ % các tiêu chí đạt mức 3: 19/19 (100%)

Kết quả: Đạt Mức 3

1.2. Đánh giá theo Mức 4

Tiêu chí (Khoản, Điều)	Kết quả tự đánh giá		Ghi chú
	Đạt	Không đạt	
Khoản 1, Điều 22	X		
Khoản 2, Điều 22	X		
Khoản 3, Điều 22		X	
Khoản 4, Điều 22		X	
Khoản 5, Điều 22		X	

Kết quả: Không đạt Mức 4

Kết luận: Trường đạt Mức 3

2) Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia của cơ sở giáo dục qua các mốc thời gian; kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm và hàng năm.

Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục

- Nhà trường đã thực hiện đánh giá ngoài theo các văn bản hướng dẫn, đã được SGD&ĐT công nhận đạt kiểm định mức độ 3, UBND tỉnh Nghệ An đã ban hành Quyết định số 4192/QĐ-UBND công nhận trường tiểu học Diễn Thọ đạt chuẩn quốc gia mức độ 2 vào tháng 11/2021.

Hàng năm đều xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục để khắc phục những hạn chế nhằm đưa phong trào dạy và học của nhà trường ngày càng nâng lên

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Thông tin về kế hoạch hoạt động giáo dục của năm học:

a) Kế hoạch tuyển sinh của cơ sở giáo dục, trong đó thể hiện rõ đối tượng, chỉ tiêu, phương thức tuyển sinh, các mốc thời gian thực hiện tuyển sinh và các thông tin liên quan;

Đối tượng tuyển sinh.	Chỉ tiêu tuyển sinh	Phương thức tuyển sinh	Thời gian tuyển sinh	Công khai kết quả
Trẻ sinh năm 2018 thuộc địa bàn xã Diễn Thọ	154 em/ 4 lớp	Xét tuyển	2-3/8/2024	10/8/2024

b) Kế hoạch giáo dục của cơ sở giáo dục;

Năm học 2024-2025 thực hiện Chương trình GDPT 2018 đổi với tất cả các lớp 1;2;3;4;5 .

1. Phân phối thời lượng các môn học và hoạt động giáo dục năm học 2024 - 2025

T T	HĐ GD	Số tiết lớp 1			Số tiết lớp 2			Số tiết lớp 3			Số tiết lớp 4			Số tiết lớp 5		
		Tổng	HK 1	HK 2	Tổng	HK 1	HK 2	Tổng	HK 1	H K2	Tổng	H K1	HK 2	Tổng	HK 1	H K2

Các môn học và hoạt động giáo dục bắt buộc:

1	TViệt	420	216	204	350	180	170	245	126	11 9	245	12 6	119	245	126	119
2	Toán	105	54	51	175	90	85	175	90	85	175	90	85	175	90	85
3	TNXH	70	36	34	70	36	34	70	36	34						
4	Khoa học										70	36	34	70	36	34
5	LS&DL										70	36	34	70	36	34

6	Đạo đức	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17
7	Âm nhạc	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17
8	Mỹ thuật	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17
9	TH, CN							70	36	34	70	36	34	70	36	34
10	T.Anh							140	72	68	140	72	68	140	72	68
11	GDTC	70	36	34	70	36	34	70	36	34	70	36	34	70	36	34
12	HĐTN	105	54	51	105	54	51	105	54	51	105	54	51	105	54	51

Môn tự chọn

13	T. Anh	70	36	34	70	36	34									
14	Tin học															

Hoạt động củng cố, tăng cường (Số tiết tăng cường buổi học thứ 2 của mỗi môn học và HĐGD với hình thức linh hoạt)

15	HĐCC	70	36	34	70	36	34	35	18	17						
16	TATC	70	36	34	70	36	34	70	36	34	70	36	34	70	36	34
17	KNS	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17
Tổng số tiết		1120	576	544	1120	576	544	1120	576	544	1155	594	561	1155	594	561
Số tiết/tuần		32	32	32	32	32	32	32	32	32	33	33	33	33	33	33

c) Quy chế phối hợp giữa cơ sở giáo dục với gia đình và xã hội trong việc chăm sóc, giáo dục học sinh; Có

d) Các chương trình, hoạt động hỗ trợ học tập, rèn luyện, sinh hoạt cho học sinh ở cơ sở giáo dục;

1. Chương trình dạy học tăng cường:

+Tiếng Anh Toán: Lớp 1-5 cho HS có nhu cầu, tự nguyện tham gia: 02 tiết/ tuần

+ Kỹ năng sống: Lớp 1-5: cho HS có nhu cầu, tự nguyện tham gia 01 tiết/ tuần .

2.Các hoạt động GDNGLL và hoạt động trải nghiệm.

Tháng	Chủ điểm	Nội dung trọng tâm	Hình thức tổ chức	Thời gian thực hiện	Người thực hiện	Lực lượng tham gia
THÁNG 9	Chào năm học mới	Tổ chức ngày hội toàn dân đưa trẻ đến trường	Toàn trường	5/9	HT - TPT - GVCN	CBGV- HS
		Tìm hiểu nội quy nhà trường.	Toàn trường	9/9	TPT , GVCN	CBGV- HS

		HĐTN: Vui trung thu, trang trí mâm ngũ quả.	Toàn trường	16/9	Toàn trường.	CBGV- HS
		Tổ chức cuộc thi “Rung chuông vàng” với chủ đề : “Học sinh với văn hóa giao thông”.	Khối 9/9i 3,4,5	30/9	TPT	CBGV - HS
THÁNG 10	Em biết yêu thương	Phát động tuần lễ học tập suốt đời.	Toàn trường	7/10	HT-TPT	CBGV- HS.
		Kể chuyện K5				
		Thi văn nghệ Khối 4: Chủ điểm mẹ và cô	Toàn trường	14/10	K4	CBGV- HS
		HĐTN: Gửi lời yêu thương. Làm thiệp chúc mừng.	Toàn trường	18/10	Toàn trường.	CBGV- HS
		HĐTN: Phòng chống Xâm hại trẻ em – Tai nạn thương tích	Toàn trường	28/10	4D	CBGV- HS
THÁNG 11	Tôn sư trọng đạo	Tìm hiểu truyền thống trường em.	Toàn trường	4/11	TPT – K2	CBGV- HS
		Kể chuyện: K2				
		HĐTN- SHLD: Vệ sinh học đường.	Toàn trường	11/11	K3	CBGV- HS
		Thi văn nghệ chào mừng NGVN 20/11.(mỗi khối 1 tiết mục)	Toàn trường	18/11	Toàn trường.	CBGV- HS HS – BĐ DCMHS
THÁNG 12	Uống nước nhớ nguồn	Kể chuyện khối 4	Toàn trường	2/12	K4	CBGV- HS
		HĐTN: Tái hiện lịch sử. Ngã Ba Đồng Lộc		9/12	4C	
		Thi vẽ tranh về bộ đội cũ Hồ.	Toàn trường	16/12	HS	CBGV- HS
		Viếng nghĩa trang liệt sỹ. Giao lưu với hội CCB và TNXP.	Toàn trường	21/12	K4;5 HS	CBGV- HS –BĐ DCMHS- HCCB xã
		HĐTN- SHLD: Bảo vệ quyền trẻ em.	Toàn trường	30/12	5A- 5C	CBGV- HS
THÁNG 1		HĐTN- SHLD: An toàn cho em		6/1/2025		CBGV- HS

			Toàn trường		4A	
THÁNG 1	Em quý trọng bản thân	Kê chuyện K3	Toàn trường	13/1	K3	CBGV- HS
		Tổ chức phát động “Tết vì bạn nghèo”	Toàn trường	20/1	Tất cả các lớp. K3	CBGV- HS
		Thi Văn nghệ K3: Mừng Xuân				
THÁNG 2	Vui đón mùa xuân	SHLD: Em là mầm non của Đảng	Toàn trường	10/2	K1	CBGV- HS
		SHLD: Chào đón mùa xuân.	Toàn trường	17/2	K2	CBGV- HS
		Giao lưu toán, văn tuổi thơ lớp 5	K5	24/2	K5	BGH- TPTĐ- GV và HS K5
THÁNG 3	Tiến bước lên đoàn	HĐTN: “Giữ gìn môi trường xanh, sạch, đẹp”.	Toàn trường	3/3	4B	CBGV- HS
		Phát động phong trào em làm kế hoạch nhỏ. Kê chuyện khối 1	Toàn trường	10/3	HS K1	CBGV- HS
		Thi Văn nghệ K5: Tiến bước lên đoàn	Toàn trường	17/3	K5	CBGV- HS
THÁNG 4	Hòa bình và Hữu Nghị.	Trải nghiệm: Ngày hội thiếu nhi vui khỏe.	Toàn trường	24/3	TPT- HS HS	CBGV- HS- HỘI DÒNG ĐỘI XÃ.
		Thi diễn chương trình				
		HĐTN- SHLD: Phòng tránh tai nạn đuối nước.	Toàn trường	14/4	4E	CBGV- HS
THÁNG 5	Nhớ ơn Đảng - Bác	Tổ chức ngày hội đọc sách	Toàn trường	18 -21/4	TPT- TV – GV	CBGV- HS
		Giao lưu văn, toán tuổi thơ cấp trường lớp 3; 4. Rung chuông vàng K1;2;3.	K1-4	23-25/4	K1 -4	BGH- TPTĐ- GV và HS.
		SHLD: Uống nước nhớ nguồn:Tái hiện lịch sử.	Toàn trường	28/4	5D	CBGV- HS
		HĐTN- SHLD: Mùa hè an toàn.	Toàn trường	5/5	5B	CBGV- HS
		Rung Chuông Vàng tìm hiểu về truyền thống đội	Toàn trường	12/5	K3;4;5	CBGV- HS

3.Tổ chức các câu lạc bộ, các hoạt động cho học sinh sau giờ học chính khoá theo nhu cầu người học:

TT	Nội dung	Hoạt động	Đối tượng/quy mô	Thời gian	Địa điểm
1	Câu lạc bộ võ cổ truyền	Câu lạc bộ	Học sinh có nhu cầu	Sau giờ học chiều:	Trường TH D Thọ.
3	Câu lạc bộ Em yêu Tiếng Việt	Câu lạc bộ	HS Lớp 3;4;5 (có nhu cầu)	Chiều thứ 4, chiều th 6.	Trường TH D Thọ.
4	Câu lạc bộ Toán Tuổi thơ	Câu lạc bộ	HS Lớp 3;4;5 (có nhu cầu)	Chiều thứ 4, chiều th 6.	Trường TH D Thọ.
5	Tiếng Anh tăng cường	Theo nhu cầu người học	HS Lớp 1- 5 (có nhu cầu).	Lồng ghép các buổi học.	Trường TH D Thọ.
6	GDKNS	Theo nhu cầu người học	HS Lớp 1- 5 (có nhu cầu)	Lồng ghép các buổi học.	Trường TH D Thọ.

4. Tổ chức các hoạt động trải nghiệm ngoài nhà trường cho học sinh.

TT	Nội dung	Đối tượng/quy mô	Thời gian	Hình Thức	Kinh phí
1	Tổ chức hành trình đi đến địa chỉ đỏ: Nhà thờ Cao Lỗ, Nghĩa trang liệt sĩ xã cho khối 1,2,3.	HS Khối 1,2,3	Tháng	BGH – TPT-GVCN các khối 1,2,3. Ban đại diện CMHS	
3	Tham quan di tích LS trong tỉnh.	Học sinh khối 3, 4;5	Tháng 12/2024	Tự nguyện. Phối hợp GV, CMHS	XHH từ PH và mạnh thường quân.

2. Thông tin về kết quả giáo dục thực tế của năm học trước:

a) Kết quả tuyển sinh; tổng số học sinh theo từng khối; số học sinh bình quân/lớp theo từng khối; số lượng học sinh học 02 buổi/ngày; số lượng học sinh nam/học sinh nữ, học sinh là người dân tộc thiểu số, học sinh khuyết tật; số lượng học sinh chuyển trường và tiếp nhận học sinh học tại trường:

Năm học 2023 -2024.

STT	Lớp	Số lớp	Số HS	Nữ	Học sinh khuyết tật (C.Biệt và H.Nhập)		Số HS học 2 buổi/ngày	
					SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ
1	Lớp 1	4	149	74			149	100.0%
2	Lớp 2	5	179	92	2	1.0%	179	100.0%
3	Lớp 3	5	175	82	1	0.05%	175	100.0%
4	Lớp 4	4	149	70	1	0.06%	149	100.0%
5	Lớp 5	4	143	76	3	2%	143	100.0%
Toàn trường		22	795	394	7	0.8%	795	100.0%

b. Thống kê kết quả đánh giá học sinh theo quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo; thống kê số lượng học sinh được lên lớp, học sinh không được lên lớp;

Đánh giá cuối năm học :

1	Đánh giá Kết quả cuối năm	Khối 1		Khối 2		Khối 3		Khối 4	
		SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL
1,1	Hoàn thành xuất sắc	64	43%%	78	43,2%	68	38,8%	58	38,9%
1,2	Hoàn thành tốt	48	32,2%	54	30,8%	62	36%	49	32,8%
1,3	Hoàn thành	32	21,4%	45	26%	44	25,2%	41	28,3%
1,4	Chưa hoàn thành	5	3,4%						
2	Khen thưởng cuối năm								
2,1	Học sinh <i>Xuất sắc</i>	64	42,9%	77	43,2%	68	38,8%	58	38,9%
2,2	Học sinh <i>Tiêu biểu</i> hoàn thành tốt trong học tập và rèn luyện	48	32,2%	55	30,8%	63	36%	49	32,8%
2,3	Khen thưởng đột xuất	0							
2,4	Đề nghị cấp trên khen thưởng	0							
2,5	Gửi thư khen	0							
3	Hoàn thành chương trình lớp học								
3,1	Hoàn thành	145	97,3%	179	100%	175	100%	149	100%
3,2	Chưa hoàn thành	4	2,6%						

Đánh giá cuối năm học :

1	Đánh giá Kết quả cuối năm	Khối 5	
		Số lượng	Tỷ lệ
1,1	Hoàn thành chương trình lớp học	143	100%
1,2	Chưa hoàn thành		
2	Khen thưởng cuối năm		
2,1	Học sinh hoàn thành xuất sắc các nội dung học tập và rèn luyện.	57	32.0%
2,2	Học sinh có thành tích vượt trội.	37	26.0%
2,3	Khen thưởng đột xuất		

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH⁷

1. Tình hình tài chính của cơ sở giáo dục trong năm tài chính trước liền kề thời điểm báo cáo theo quy định pháp luật, trong đó có cơ cấu các khoản thu, chi hoạt động như sau:

a) Các khoản thu phân theo: Nguồn kinh phí (ngân sách nhà nước, hỗ trợ của nhà đầu tư; học phí, lệ phí và các khoản thu khác từ người học; kinh phí tài trợ và hợp đồng với bên ngoài; nguồn thu khác) và loại hoạt động (giáo dục và đào tạo; khoa học và công nghệ; hoạt động khác); Không.

b) Các khoản chi phân theo: Chi tiền lương và thu nhập (lương, phụ cấp, lương tăng thêm và các khoản chi khác có tính chất như lương cho giáo viên, giảng viên, cán bộ quản lý, nhân viên,...); chi cơ sở vật chất và dịch vụ (chi mua sắm, duy tu sửa chữa, bảo dưỡng và vận hành cơ sở vật chất, trang thiết bị, thuê mướn các dịch vụ phục vụ trực tiếp cho hoạt động giáo dục, đào tạo, nghiên cứu, phát triển đội ngũ,...); chi hỗ trợ người học (học bổng, trợ cấp, hỗ trợ sinh hoạt, hoạt động phong trào, thi đua, khen thưởng,...); chi khác.

Số TT	Nội dung chi	Số liệu báo cáo	Số liệu quyết toán được duyệt	Trong đó		
				Quỹ lương	Mua sắm, sửa chữa, chi khác	Trích lập quỹ
D	E	1		2	3	4
I	Quyết toán thu					
	Tổng số thu					
1	Thu phí, lệ phí					
2	Thu hoạt động cung ứng dịch vụ					
3	Hoạt động sự nghiệp khác					
II	Quyết toán chi ngân sách NN					
A	Nguồn kinh phí không tự chủ (12)	43 350 000	43 350 000		43 350 000	
6150	Học bổng và hỗ trợ khác cho học sinh, sinh viên, cán bộ đi học	43 350 000	43 350 000		43 350 000	
6151	Học bổng và hỗ trợ khác cho học sinh, sinh viên, cán bộ đi học	21 600 000	21 600 000		21 600 000	
6157	Hỗ trợ đối tượng chính sách chi phí học tập	21 750 000	21 750 000		21 750 000	
7799	Chi các khoản khác					
	Tổng cộng	43 350 000	43 350 000		43 350 000	

B	Kinh phí thường xuyên/tự chủ (13)	3 005 990 367	2 971 126 367	2 870 590 000	100 536 367	
6100	Phụ cấp lương	2 452 939 300	2 452 939 300	2 452 939 300		
6001	Lương theo ngạch, bậc	1 437 669 000	1 437 669 000	1 437 669 000		
6051	Hợp đồng thường xuyên	62 500 000	62 500 000	62 500 000		
6101	Phụ cấp chức vụ	15 120 000	15 120 000	15 120 000		
6105	Làm đêm thêm giờ	137 320 200	137 320 200	137 320 200		
6107	Phụ cấp độc hại	2 160 000	2 160 000	2 160 000		
6112	Phụ cấp ưu đãi nghề	465 988 900	465 988 900	465 988 900		
6113	Phụ cấp trách nhiệm	4 320 000	4 320 000	4 320 000		
6115	Phụ cấp thâm niên nghề, vượt khung	324 297 200	324 297 200	324 297 200		
6149	Phụ cấp bão lưu	3 564 000	3 564 000	3 564 000		
6200	Chi khác	21 400 000	21 400 000	21 400 000		
6301	Chế độ Tết	21 400 000	21 400 000			21 400 000
6300	Các khoản đóng góp	417 650 700	417 650 700	417 650 700		
6301	Bảo hiểm xã hội	311 613 900	311 613 900	311 613 900		
6302	Bảo hiểm y tế	53 419 500	53 419 500	53 419 500		
6303	Kinh phí công đoàn	35 613 200	35 613 200	35 613 200		
6304	Bảo hiểm thất nghiệp	17 004 100	17 004 100	17 004 100		
6400	Chi khác	13 464 000	13 464 000	13 464 000		
6449	Thẻ đọc	13 464 000	13 464 000	13 464 000		
6500	Thanh toán dịch vụ công cộng	12 717 963	12 717 963		12 717 963	
6501	Tiền điện	10 679 363	10 679 363			10 679 363
6551	VPP	2 038 600	2 038 600			2 038 600
6600	Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	6 423 000	6 423 000		6 423 000	
6605	Cước phí Internet	605 000	605 000			605 000
6649	Chi khác (Gia hạn CKS)	5 818 000	5 818 000			5 818 000
6700	Công tác phí	14 650 000	14 650 000		14 650 000	
6701	Phụ cấp công tác phí	7 350 000	7 350 000			7 350 000
6702	Phụ cấp công tác phí	1 000 000	1 000 000			1 000 000
6703	Khoán phòng ngủ	1 800 000	1 800 000			1 800 000
6704	Khoán công tác phí	4 500 000	4 500 000			4 500 000
6750	Chi phí thuê mướn					

6900	Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng	24 975 000	24 975 000		24 975 000	
6907	Nhà cửa	6 525 000	6 525 000		6 525 000	
6907	Thiết bị Tin học	6 410 000	6 410 000		6 410 000	
6949	Sửa chữa bàn ghế	12 040 000	12 040 000		12 040 000	
7000	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	41 770 404	41 770 404		41 770 404	
7001	Chi mua hàng hóa, vật tư	37 570 404	37 570 404		37 570 404	
7004	Trang phục dạy thể dục	4 200 000	4 200 000		4 200 000	
	Tổng cộng	3 049 340 367	3 014 476 367	2 870 590 000	143 886 367	

2. Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí, học bổng đối với người học.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN LÀM VIỆC

Về Thẩm định chế độ hỗ trợ chi phí học tập; hỗ trợ học sinh khuyết tật - HK1 Năm học 2024 - 2025

Hôm nay, ngày 10 tháng 10 năm 2024, tại Phòng Giáo dục và Đào tạo Điện Chùa

I. Thành phần làm việc

1. Đại diện Phòng Giáo dục và Đào tạo:
 Ông: Mai Ngọc Long Trưởng phòng
 Bà: Lê Thị Thanh Tâm Chuyên viên

2. Đại diện đơn vị: Trường TH
 Ông(Bà) Lưu Lương Điện Diệu Thọ
 Ông(Bà) Cao Thị Minh Thúy Hiệu trưởng
 Kế toán

II. Nội dung làm việc

1. Các căn cứ triển khai thực hiện

Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

- Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo da chiều giai đoạn 2021-2025;
- Căn cứ Thông tư 42/2013/TTLT-RGD&ĐT-BLĐTBXH-BTC ngày 31/12/2013 của Liên bộ Bộ Giáo dục và Đào tạo - Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội - Bộ Tài chính quy định chính sách về giáo dục đối với người khuyết tật;
- Nghị quyết số: 14/2022/NQ-HĐND ngày 14/07/2022 của Hội đồng nhân dân Tỉnh Nghệ An Quy định mức thu học phí trong cơ sở giáo dục công lập; Mức hỗ trợ tiền đóng học phí cho học sinh tiêu học từ thực thuộc đối tượng được hưởng chính sách miễn giảm học phí theo quy định thuộc tỉnh Nghệ An quản lý từ năm học 2022-2023 đến năm học 2025-
- Tờ trình số /SPTTr-THDT ngày 02/10/2024 của trường TH Điện Thọ và các hồ sơ khác có liên quan do nhà trường cung cấp

2. Nội dung thực hiện

- Thẩm định đối tượng được hưởng và nhu cầu kinh phí thực hiện chế độ hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015;

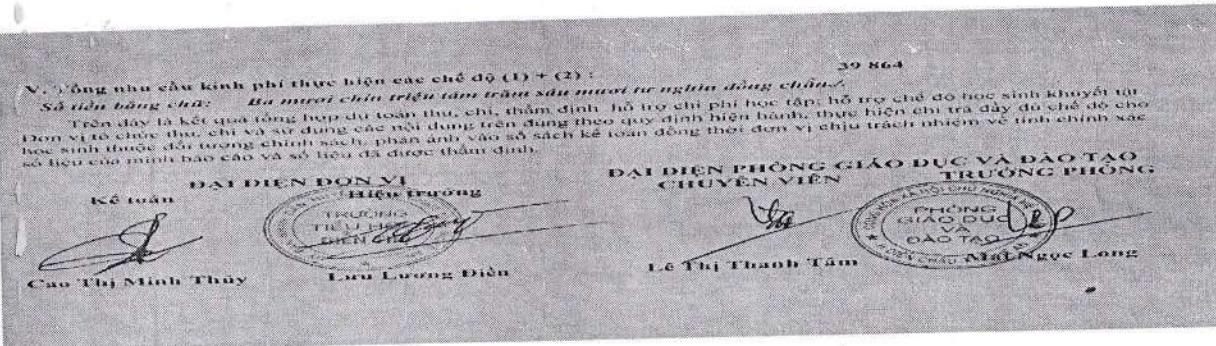
III. Kết quả làm việc như sau:

1. Đối tượng được hưởng và nhu cầu kinh phí thực hiện chế độ hỗ trợ chi phí học tập

Nội dung	Đơn vị: 1000 đồng
2.1. Tổng số học sinh hiện có:	813
2.2. HS thuộc đối tượng được hưởng chế độ hỗ trợ chi phí học tập, gồm:	29
- Học sinh có cha mẹ thuộc diện hộ nghèo theo tiêu chí thu nhập hoặc hộ nghèo thiểu hụt da chiều thiêu hụt ít nhất một chỉ số về giáo dục:	26
- Học sinh bị khuyết tật không khó khăn về kinh tế	3
- Học sinh bị khuyết tật có khó khăn về kinh tế	0
- Học sinh ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bắc ngang ven biển hải đảo	0
- Học sinh con mồ côi cả cha lẫn mẹ:	150
2.3. Nhu cầu kinh phí chi trả hỗ trợ 1 HS/ tháng (nghìn đồng)	4
2.4. Số tháng hỗ trợ:	17 400
2.5. Nhu cầu kinh phí chi trả hỗ trợ (nghìn đồng)	

2. Đối tượng được hưởng và nhu cầu kinh phí thực hiện chế độ hỗ trợ học sinh khuyết tật

Đối tượng	Số học sinh	Chế độ học bổng	Nhu cầu kinh phí
- Học sinh khuyết tật thuộc hộ nghèo	2	7 488	14 976
- HS sinh khuyết tật thuộc hộ cận nghèo	1	7 488	7 488
Tổng	3	14 976	22 464



4. Số dư các quỹ theo quy định, kể cả quỹ đặc thù (nếu có).

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

-Triển khai dạy học tiếng Anh tăng cường 2 tiết/ tuần cho học sinh lớp 1,2,3;4;5.

Trên đây là Báo cáo kết quả thường niên năm học 2024 (Kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDDT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo) của trường Tiểu học Diễn Thọ.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Lưu Lương Điện